

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 26/2023/HS-ST

Ngày: 16-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- TNnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hồng Nguyên**.

2. Bà **Phạm Thị Liễu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thượng** – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Tân Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/HSST-QĐ ngày 27/02/2023 đối với các bị cáo:

1/ Tô TNnh Đ (tên gọi khác: Đ) - sinh ngày 15/3/2022, tại Đồng Nai; nơi cư trú: tổ 3, ấp 4, xã Đắc Lua, Huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn B – sinh năm 1972 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1971; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 08/02/2020, bị Công an Huyện Cát Tiên xử phạt Nnh chính số tiền 1.350.000 đồng về Nnh vi “xâm hại đến sức khỏe của người khác và gây mất trật tự ở khu dân cư” theo quyết số 39/QĐ – XPHC; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2022 tới ngày 12/8/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay (có mặt).

2 / Nguyễn Trọng D (tên gọi khác: D L) - sinh ngày 10/9/1999, tại Đồng Nai; nơi cư trú: số 55/7, tổ 1, ấp 4, xã Đắc Lua, Huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T – sinh năm 1964 và bà Trần Thị H - sinh năm 1969; sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Hữu Nghĩa – sinh năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo được khởi tố tại ngoại, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Cẩm V** – sinh năm 1977; nơi cư trú: khu 8, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Lê Thị H** – sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp 1, xã Phú Lộc, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2/ Bà **Đỗ Thị Kim C** – sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp Phú Yên, xã Phú Trung, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3/ Ông **Võ Chí P** – sinh năm 2004, nơi cư trú: khu 9, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

4/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc T** – sinh năm 1973; nơi cư trú: khu 5, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

5/ Bà **Lê Thị Y** – sinh năm 1988; nơi cư trú: khu 1, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

6/ Bà **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm 1979; nơi cư trú: khu 9, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

7/ Bà **Trần Thị Hồng Q** - sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp Ngọc Lâm 3, xã Phú Xuân, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

8/ Ông **M Kim R** – sinh năm 1969; nơi cư trú: khu 5, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

9/ Bà **Lê Thị P** – sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp 6, xã Trà Cỏ, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

10/ Bà **Nguyễn Thị Tuyết M** – sinh năm 1958; nơi cư trú: khu 1, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

11/ Ông **Trần Quang H** – sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

12/ Ông **Tạ Ngọc B** – sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp Ngọc Lâm 2, xã Phú Xuân, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

13/ Bà **Trần Thị N** – sinh năm 1976; nơi cư trú: khu 9, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

14/ Bà **Trương Thị Mỹ L** – sinh năm 1969; nơi cư trú: khu 9, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

15/ Bà **Trần Thị TH** – sinh năm 1984; nơi cư trú: khu 9, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

16/ Bà **Lý Thị O** – sinh năm 1968; nơi cư trú: khu 9, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

17/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm V** – sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp 1, xã Phú Thịnh, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

18/ Ông **Nguyễn Văn H** – sinh năm 1959; nơi cư trú: khu 8, thị trấn Tân Phú, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu tháng 5 năm 2022, Tô TNnh Đ và Nguyễn Trọng D bàn nhau góp tiền để cùng nhau thực hiện việc cho người dân trên địa bàn huyện Tân Phú và huyện Định Quán vay tiền với lãi suất cao. Cách thức cho vay của Đ và D là khi có người vay tiền thì sẽ cho vay trả góp theo ngày gồm cả tiền lãi và tiền gốc hoặc trả tiền lãi từng ngày, tiền gốc thì giữ nguyên đến lúc nào trả hết tiền gốc thì không còn phải trả tiền lãi (vay đứng). Đối với hình thức cho vay tiền góp cách thức cho vay là người vay trả góp gồm cả gốc và lãi theo ngày, thời gian góp tùy theo thỏa thuận của hai bên đến khi trả hết cả gốc, số tiền phải trả mỗi ngày tùy thuộc vào số tiền vay, lãi suất theo đó tương ứng mỗi ngày là từ 0,33% đến 1% /số tiền gốc/01 ngày. Đối với hình thức cho vay đứng thì mỗi ngày người vay sẽ phải trả một số tiền lãi nhất định dựa trên số tiền gốc đã vay. Khi kết thúc việc vay tiền thì người vay phải trả toàn bộ tiền gốc đã vay, lãi suất theo đó tương ứng mỗi ngày là từ 0,16% đến 3,75%/số tiền gốc/01 ngày. Tính đến thời điểm bị bắt, Tô Thành Đ và Nguyễn Trọng D thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao của những người sau:

Đối với hình thức cho vay tiền góp theo ngày gồm 14 người:

1. Lê Thị P vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 3.000.000 đồng trong thời gian 12 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi là 600.000 đồng. Mức lãi suất hợp pháp trong giao dịch dân sự giữa cá nhân với nhau theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20% /năm (tương ứng là 0,055%/ ngày). Mức lãi suất thực tế gấp: $1,0\% : 0,055\% = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 12 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 12 \text{ ngày} = 33.000 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $600.000 \text{ đồng} - 33.000 \text{ đồng} = 567.000 \text{ đồng}$.

2. Nguyễn Thị Tuyết M vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, đã trả gốc và lãi 6.200.000 đồng trong thời gian 30 ngày với lãi suất 6,667%/01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 1.200.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp:

$(6,667\% : 0,055\%) = 121,21$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 30 ngày là: $(5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 30 \text{ ngày}) = 82.500 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(1.200.000 \text{ đồng} - 82.500 \text{ đồng}) = 1.117.500 \text{ đồng}$.

3. M Kim R vay 3.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 3.000.000 đồng trong thời gian 19 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 720.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 19 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 19 \text{ ngày}) = 31.350 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(720.000 \text{ đồng} - 31.350 \text{ đồng}) = 688.650 \text{ đồng}$.

4. Trần Thị Hồng Q vay 10.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 9.500.000 đồng trong thời gian 18 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 2.300.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 18 ngày là: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 18 \text{ ngày}) = 99.000 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(2.300.000 \text{ đồng} - 99.000 \text{ đồng}) = 2.201.000 \text{ đồng}$.

5. Nguyễn Thị Cẩm V (ngụ xã Phú Thịnh) vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 5.500.000 đồng trong thời gian 21 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 1.300.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 21 ngày là: $(5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 21 \text{ ngày}) = 57.750 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(1.300.000 \text{ đồng} - 57.750 \text{ đồng}) = 1.242.250 \text{ đồng}$.

6. Nguyễn Thị Cẩm V (ngụ thị trấn Tân Phú) vay 3.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 2.700.000 đồng trong thời gian 17 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 660.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 17 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 17 \text{ ngày}) = 28.050 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(660.000 \text{ đồng} - 28.050 \text{ đồng}) = 631.950 \text{ đồng}$.

7. Lê Thị Y vay 03 lần, mỗi lần vay 3.000.000 đồng trong thời hạn 60 ngày. Lần thứ nhất, đã trả gốc và lãi 3.600.000 đồng trong thời gian 60 ngày với lãi suất 0,33% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 600.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(0,33\% : 0,055\%) = 6$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 60 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 60 \text{ ngày}) = 99.000 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(600.000 \text{ đồng} - 98.630 \text{ đồng}) = 501.000 \text{ đồng}$. Lần thứ hai, tương tự lần thứ nhất, Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền 501.000 đồng. Lần thứ ba, đã trả gốc và

lãi 300.000 đồng trong thời gian 5 ngày với lãi suất 0,33% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 50.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 5 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 5 \text{ ngày}) = 8.250 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(50.000 \text{ đồng} - 8.250 \text{ đồng}) = 41.750 \text{ đồng}$. Tổng thu lợi bất chính là 1.043.750 đồng.

8. Nguyễn Thị Đ vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 22 ngày, đã trả gốc và lãi 4.250.000 đồng trong thời gian 16 ngày với lãi suất 0,455% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 613.636 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(0,455\% : 0,055\%) = 8,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 16 ngày là: $(5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 16 \text{ ngày}) = 44.000 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(613.636 \text{ đồng} - 44.000 \text{ đồng}) = 569.636 \text{ đồng}$.

9. Võ Chí P vay 02 lần. Lần thứ nhất vay 3.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 3.900.000 đồng trong thời gian 25 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 900.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày}) = 41.250 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(900.000 \text{ đồng} - 41.250 \text{ đồng}) = 858.750 \text{ đồng}$. Lần thứ hai vay 2.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 2.600.000 đồng trong thời gian 25 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 600.000 đồng. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $(2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày}) = 27.500 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(600.000 \text{ đồng} - 27.500 \text{ đồng}) = 572.500 \text{ đồng}$. Tổng thu lợi bất chính là 1.431.250 đồng.

10. Trần Thị N vay 02 lần, mỗi lần vay 3.000.000 đồng trong thời hạn 23 ngày. Lần thứ nhất, đã trả gốc và lãi 3.600.000 đồng trong thời gian 23 ngày với lãi suất 0,652% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 600.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(0,652\% : 0,055\%) = 11,85$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 23 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 23 \text{ ngày}) = 37.950 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(600.000 \text{ đồng} - 37.950 \text{ đồng}) = 562.050 \text{ đồng}$. Lần thứ hai đã trả gốc và lãi 2.250.000 đồng trong thời gian 14 ngày với lãi suất 0,652% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 423.913 đồng. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp: $(0,652\% : 0,055\%) = 11,85$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 14 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 14 \text{ ngày}) = 23.100 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(423.913 \text{ đồng} - 23.100 \text{ đồng}) = 400.813 \text{ đồng}$. Tổng thu lợi bất chính là 962.863 đồng.

11. Trương Thị Mỹ L và Trần Thị TH vay 02 lần, mỗi lần vay 3.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày. Lần thứ nhất, đã trả gốc và lãi 3.900.000 đồng trong thời gian 25 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 900.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày}) = 41.250 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(900.000 \text{ đồng} - 41.250 \text{ đồng}) = 858.750 \text{ đồng}$. Lần thứ hai, đã trả gốc và lãi 300.000 đồng trong thời gian 1 ngày với lãi suất 1,0% / 01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 180.000 đồng. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 1 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 1 \text{ ngày}) = 1.650 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(180.000 \text{ đồng} - 1.650 \text{ đồng}) = 178.350 \text{ đồng}$. Tổng thu lợi bất chính là 1.037.100 đồng.

12. Đỗ Thị Kim C vay 20.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 17.000.000 đồng trong thời gian 17 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 3.400.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 17 ngày là: $(20.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 17 \text{ ngày}) = 187.000 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(3.400.000 \text{ đồng} - 186.301 \text{ đồng}) = 3.213.000 \text{ đồng}$.

13. Lý Thị O vay 02 lần, mỗi lần vay 3.000.000 đồng trong thời hạn 23 ngày. Lần thứ nhất, đã trả gốc và lãi 3.600.000 đồng trong thời gian 23 ngày với lãi suất 0,652% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 600.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(0,652\% : 0,055\%) = 11,85$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 23 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 23) \text{ ngày} = 37.950 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(600.000 \text{ đồng} - 37.950 \text{ đồng}) = 562.050 \text{ đồng}$. Lần thứ hai đã trả gốc và lãi 1.200.000 đồng trong thời gian 7 ngày với lãi suất 0,652% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 286.957 đồng. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp: $(0,652\% : 0,055\%) = 11,85$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 7 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 7 \text{ ngày}) = 11.550 \text{ đồng}$. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: $(286.957 \text{ đồng} - 11.550 \text{ đồng}) = 275.407 \text{ đồng}$. Tổng thu lợi bất chính là 837.457 đồng.

14. Nguyễn Thị Ngọc T vay 3.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, đã trả gốc và lãi 300.000 đồng trong thời gian 2 ngày với lãi suất 1,0% /01 ngày, trong đó tiền lãi và phí vay tiền là 60.000 đồng. Mức lãi suất thực tế gấp: $(1,0\% : 0,055\%) = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 2 ngày là: $(3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 2$

ngày) = 3.300 đồng. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: (60.000 đồng – 3.300 đồng) = 56.700 đồng.

Đối với hình thức cho vay đứng gồm 3 người:

1. Lê Thị H vay tiền từ ngày 05/6/2022 đến ngày 30/6/2022 với số tiền cho vay là 40.000.000 đồng, Đ và D đã thu số tiền lãi và phí vay tiền là 20.000.000 đồng, như vậy lãi suất tương ứng là 1,92%/ số tiền gốc/01 ngày. Như vậy, mức lãi suất thực tế đã gấp: $(1,92\% : 0,055\%) = 34,9$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 26 ngày là: (40.000.000 đồng x 0,055% x 26 ngày) = 572.000 đồng. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: (20.000.000 đồng – 572.000 đồng) = 19.428.000 đồng.

2. Tạ Ngọc B vay tiền từ ngày 04/6/2022 đến ngày 04/7/2022 với số tiền cho vay là 5.000.000 đồng, Đ và D đã thu số tiền lãi và phí vay tiền là 250.000 đồng, như vậy lãi suất tương ứng là 0,16%/ số tiền gốc/01 ngày. Như vậy, mức lãi suất thực tế đã gấp: $(0,16\% : 0,055\%) = 2,9$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 31 ngày là: (5.000.000 đồng x 0,055% x 31 ngày) = 85.250 đồng. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: (250.000 đồng – 85.250 đồng) = 164.750 đồng.

3. Trần Quang H vay tiền từ ngày 26/6/2022 đến ngày 29/6/2022 với số tiền cho vay là 5.000.000 đồng, Đ và D đã thu số tiền lãi và phí vay tiền là 750.000 đồng, như vậy lãi suất tương ứng là 3,75%/ số tiền gốc/01 ngày. Như vậy, mức lãi suất thực tế đã gấp: $(3,75\% : 0,055\%) = 68,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 4 ngày là: (5.000.000 đồng x 0,055% x 4 ngày) = 11.000 đồng. Đ và D đã thu lợi bất chính số tiền là: (750.000 đồng – 11.000 đồng) = 739.000 đồng.

Như vậy, đối với 02 hình thức cho vay tiền góp và vay đứng nêu trên thì Đ và D đã thu lợi bất chính với số tiền 35.931.856 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi một nghìn tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Quá trình mở rộng điều tra vụ án, cơ quan điều tra còn làm rõ được trong quá trình thực hiện việc cho vay lãi nặng thì Tô TNnh Đ có cho bà Nguyễn Thị Cẩm V (ngụ tại khu 8, thị trấn Tân Phú) vay số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 01/6/2022. Quá trình trả tiền góp theo ngày, bà V còn nợ Đ số tiền 1.350.000 đồng. Lúc này do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà V có xin khất nợ nhưng Đ không đồng ý mà thường xuyên sử dụng điện thoại di động có số 0373.611.651 nhắn tin và gọi điện đe dọa bà V nhằm mục đích để bà V phải trả cho Đ khoản tiền nợ là 1.350.000 đồng. Buổi Cều ngày 27/6/2022, Đ đi mua 02 hộp sơn và 01 bịch mắm tôm mục đích để sử dụng vào việc ném vào nN bà V làm cho bà V phải hoang mang, lo sợ. Đến khoảng 23 giờ ngày 27/6/2022, Tô TNnh Đ rủ đối tượng tên Thanh (hiện chưa rõ lai lịch) chở Đ đến nN bà V thực hiện việc ném sơn và mắm tôm vào nN bà V tại khu 8, thị trấn Tân Phú mục đích uy hiếp tinh thần bà V và gia đình để đòi nợ số tiền 1.350.000 đồng. Vụ việc sau đó được bà

V trình báo đến cơ quan công an và cHễn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Tân Phú giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Hện Tân Phú, các bị cáo Tô TNnh Đ, Nguyễn Trọng D đã khai nhận toàn bộ Nnh vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 1.600.000 đồng; 01 xe mô tô loại trắng đen số máy 5C64764356, số khung RLCS5C640CY764351, nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60C1-247.00 kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 040523 mang tên Nguyễn Ngọc Thái; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Pro 11; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen; 500 tờ giấy A4 có in chữ “CHO VAY MUỘN TIỀN GÓP-0708.522.226”; 01 hộp sơn màu đỏ hiệu Bạch Tuyết; 01 hộp sơn EXPO; 01 cây sắt màu đen dạng chữ “T” dài 60 cm; 06 cây tuýp sắt màu trắng dài 87 cm, đường kính 2,5 cm; 01 con dao mã tấu.

Tại Cáo trạng số 154/QĐ-VKSTP-ĐN ngày 10 tháng 11 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân Hện Tân Phú đã truy tố:

+ Bị cáo Tô TNnh Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

+ Bị cáo Nguyễn Trọng D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1, Điều 170; khoản 1, Điều 201; Điều 35; Điều 38;điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51;Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Tô TNnh Đ từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và xử phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng D từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng

Về vật chứng vụ án và các vấn đề khác:

- Đối với số tiền 1.600.000 đồng; 01 xe mô tô loại trắng đen số máy 5C64764356, số khung RLCS5C640CY764351, nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60C1-247.00 kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 040523 mang tên Nguyễn Ngọc Thái; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Pro 11; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen là tang vật và phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nN nước.

- Đối với 500 tờ giấy A4 có in chữ “CHO VAY MUỐN TIỀN GÓP-0708.522.226”; 01 hộp sơn màu đỏ hiệu Bạch Tuyết; 01 hộp sơn EXPO; 01 cây sắt màu đen dạng chữ “T” dài 60 cm; 06 cây tuýp sắt màu trắng dài 87 cm, đường kính 2,5 cm; 01 con dao mã tấu, là vật chứng liên quan đến Nnh vi phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Quá trình điều tra xác định được, Nguyễn Trọng D không biết và không tham gia cùng Tô TNnh Đ trong việc cưỡng đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Cẩm V. Đối với đối tượng tên Thanh (hiện chưa rõ lai lịch), cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

- Tô TNnh Đ, Nguyễn Trọng D còn cho một số người cho vay tiền nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể để tiến Nnh làm việc nên chưa đủ cơ sở để xác định về số tiền gốc, tiền lãi, lãi suất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Tân Phú tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

- Đối với số tiền 35.931.856 đồng thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0.055%/ngày) là khoản tiền các bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên xem xét buộc các bị cáo trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đối với số tiền 1.914.650 đồng là số tiền lãi mà các bị cáo thu được theo quy định của Bộ luật dân sự là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách nN nước.

- Đối với số tiền 63.705.494 đồng người vay đã vay (tiền gốc) chưa trả cho các bị cáo là phương tiện phạm tội nên xem xét buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách nN nước.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận Nnh vi phạm tội, thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo, thống nhất về xử lý vật chứng và không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với vật chứng của vụ án, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 154/QĐ-VKSTP-ĐN ngày 10 tháng 11 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân Hện Tân Phú đã truy tố: bị cáo Tô TNnh Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1

Điều 170 và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Trọng D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố các bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ.

[2] Nnh vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nN nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Riêng bị cáo Đ thêm Nnh vi xâm hại đến quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân của người khác được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này các bị cáo là công dân có đủ nhận thức để hiểu được hậu quả của Nnh vi sai trái và những quy định cấm đoán của pháp luật đối với Nnh vi phạm tội, nhưng cố ý thực hiện Nnh vi phạm tội nên cần thiết đưa ra xét xử nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tNnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51. Ngoài ra các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên phải cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo như sau: bị cáo D là người bỏ tiền và trực tiếp cho vay lãi nặng, bị cáo Đ là người thực Nnh theo yêu cầu của bị cáo D trong việc cho vay lãi nặng và tự ý trực tiếp thực hiện Nnh vi cưỡng đoạt tài sản, bên cạnh đó bị cáo Đ có nhân thân xấu, nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Đ phải cao hơn bị cáo D là phù hợp với tính chất vai trò của từng bị cáo. Đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thì cần thiết xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, do các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ, đối với các bị cáo không xác định được thu nhập cụ thể theo tháng hay năm là bao nhiêu, nếu áp dụng khấu trừ thu nhập hằng tháng đối với các bị cáo không thể thực hiện được, do đó miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” thì chỉ có mình bị cáo Đ thực hiện nên bị cáo phải chịu thêm hình phạt là tù giam đối với tội này và bị cáo Đ phạm 02 tội nên trong trường hợp này sẽ phải tổng hợp hình phạt chung của 02 tội theo Điều 55 của Bộ luật hình sự bằng cách cHển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ theo công thức 03 ngày cải tạo không giam giữ được cHển đổi tNnh 01 ngày tù để tổng hợp tNnh hình phạt chung là hình phạt tù giam.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với số tiền 1.600.000 đồng; 01 xe mô tô loại trắng đen số máy 5C64764356, số khung RLCS5C640CY764351, nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60C1-247.00 kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 040523 mang tên Nguyễn Ngọc Thái; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Pro 11; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen là tang vật và phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nN nước.

- Đối với số tiền 35.931.856 đồng thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0.055%/ngày) là khoản tiền các bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên xem xét buộc các bị cáo trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đối với số tiền 1.914.650 đồng là số tiền lãi mà các bị cáo thu được theo quy định của Bộ luật dân sự là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách nN nước.

- Đối với số tiền 63.705.494 đồng người vay đã vay (tiền gốc) chưa trả cho các bị cáo là phương tiện phạm tội nên xem xét buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách nN nước.

- Đối với 500 tờ giấy A4 có in chữ “CHO VAY MUỐN TIỀN GÓP-0708.522.226”; 01 hộp sơn màu đỏ hiệu Bạch Tuyết; 01 hộp sơn EXPO; 01 cây sắt màu đen dạng chữ “T” dài 60 cm; 06 cây tuýp sắt màu trắng dài 87 cm, đường kính 2,5 cm; 01 con dao mã tấu, là vật chứng liên quan đến Nnh vi phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Quá trình điều tra xác định được, bị cáo Nguyễn Trọng D không biết và không tham gia cùng Tô TNnh Đ trong việc cưỡng đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Cẩm V nên cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố đối với bị cáo D về tội “cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ.

- Đối với đối tượng đi cùng bị cáo Tô TNnh Đ trong vụ án ‘Cưỡng đoạt tài sản’ tên Thanh (hiện chưa rõ lai lịch), cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

- Các bị cáo Tô TNnh Đ, Nguyễn Trọng D còn cho một số người cho vay tiền nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể để tiến Nnh làm việc nên chưa đủ cơ sở để xác định về số tiền gốc, tiền lãi, lãi suất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Tân Phú tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Những người này cũng không có yêu cầu gì khác, nhưng Tòa án căn cứ

theo quy định để buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với số tiền lãi mà các bị cáo đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh đối với bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án. Riêng về phần hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo thì Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đối với bị cáo Tô TNnh Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

[9] Về các Nnh vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Các Nnh vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo:

+ Tô TNnh Đ (tên gọi khác: Đô) phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

+ Nguyễn Trọng D (tên gọi khác: D Lắc) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 170; khoản 1, Điều 201; Điều 36; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Tô TNnh Đ** (tên gọi khác: Đô) **01(một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và xử phạt **01(một) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp Nnh hình phạt chung là **02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi Nnh án** (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giữ từ ngày 01/7/2022 tới ngày 12/8/2022).

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng D** (tên gọi khác: D Lắc) **01(một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ**.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng D (tên gọi khác: D Lắc) về cho Ủy ban nhân dân xã Đắc Lua, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đắc Lua, Hện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 468, 584, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Buộc các bị cáo Tô TNnh Đ và Nguyễn Trọng D phải liên đới nộp lại số tiền 35.931.856 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi một nghìn tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) để hoàn trả cho: Bà Lê Thị P số tiền 567.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 1.117.500 đồng, ông M Kim R số tiền 688.650 đồng, bà Trần Thị Hồng Q số tiền 2.201.000 đồng, bà Nguyễn Thị Cẩm V (ngụ xã Phú Thịnh) số tiền 1.242.250 đồng, bà Nguyễn Thị Cẩm V (ngụ thị trấn Tân Phú) số tiền 631.950 đồng, bà Lê Thị Y số tiền 1.043.750 đồng, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 569.636 đồng, ông Võ Chí P số tiền 1.431.250 đồng, bà Trần Thị N số tiền 962.863 đồng, bà Trương Thị Mỹ L và bà Trần Thị TH số tiền 1.037.100 đồng, bà Đỗ Kim C số tiền 3.213.000 đồng, bà Lý Thị O số tiền 837.457 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 56.700 đồng, bà Lê Thị H số tiền 19.428.000 đồng, bà Tạ Ngọc B 164.750 đồng, ông Trần Quang H 739.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Buộc các bị cáo Tô TNnh Đ và Nguyễn Trọng D phải nộp lại số tiền 1.107.248 đồng để tịch thu, nộp ngân sách NN nước.

- Tịch thu, nộp ngân sách NN nước Số tiền 1.600.000 đồng; 01 xe mô tô loại trắng đen số máy 5C64764356, số khung RLCS5C640CY764351, nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60C1-247.00 kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 040523 mang tên Nguyễn Ngọc Thái; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Pro 11; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 500 tờ giấy A4 có in chữ “CHO VAY MUỐN TIỀN GÓP-0708.522.226”; 01 hộp sơn màu đỏ hiệu Bạch Tuyết; 01 hộp sơn EXPO; 01 cây sắt màu đen dạng chữ “T” dài 60 cm; 06 cây tuýp sắt màu trắng dài 87 cm, đường kính 2,5 cm; 01 con dao mã tấu.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại C cục Thi Nh án dân sự Hện Tân Phú để đảm bảo cho việc thi Nh án theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/02/2023 và biên lai thu tiền số 0000099 ngày 27/02/2023).

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo phải phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:- TAND tỉnh Đồng Nai;

- VKSND tỉnh Đồng Nai;

- VKSND Hện Tân Phú;

- Công an Hện Tân phú;

- C cục THA dân sự Tân Phú;

- Bị cáo; người tham gia tố tụng;

- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tuấn